

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

Ths. Nguyễn Đức Dương*

Được đánh giá là quốc gia giàu tiềm năng về năng lượng tái tạo (NLTT) (điện mặt trời, điện gió), nhưng việc khai thác nguồn năng lượng này ở Việt Nam vẫn chưa tương xứng. Nguyên nhân chủ yếu là các rào cản liên quan tới cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện... đã hạn chế việc triển khai các dự án NLTT để đưa nguồn điện vào sử dụng trên thực tế. Những năm gần đây, nhu cầu sử dụng điện phục vụ sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội ngày một gia tăng, đây chính là thách thức rất lớn cho ngành điện trong bối cảnh nguồn cung năng lượng sơ cấp trong nước như than đá, dầu khí... đang cạn kiệt không đủ đáp ứng cho nhu cầu trong nước, thì việc phát triển NLTT đang là xu thế chung của thế giới và Việt Nam. Mặc dù NLTT mang lại nhiều lợi ích, góp phần tích cực giảm thiểu tác động đến môi trường, biến đổi khí hậu; góp phần bảo đảm an ninh năng lượng; phát triển kinh tế - xã hội đất nước; giải quyết việc làm; nâng cao trình độ cho người lao động trong nước. Tuy nhiên, phát triển NLTT hiện nay còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc về cơ chế chính sách, tài chính và kỹ thuật. Để tháo gỡ các vấn đề này cần thực hiện quyết liệt các giải pháp đồng bộ từ các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

• Từ khóa: chính sách, phát triển, năng lượng tái tạo, tài chính.

Considered as a potential country in renewable energy (solar power, wind power), the exploitation of this energy source in Vietnam is still inadequate. The main reason is that the barriers related to mechanisms, policies, implementation organization, etc. have limited the implementation of RE projects to put the power source into practical use. In recent years, the demand for electricity for production and socio-economic development has been increasing, which is a great challenge for the electricity industry in the context of domestic primary energy supply such as coal and coal stone, oil and gas ... are exhausted not enough to meet domestic demand, the development of renewable energy is a common trend of the world and Vietnam. Although renewable energy brings many benefits, it actively contributes to minimizing impacts on the environment and climate change; contribute to ensuring energy security; socio-economic development of the country; jobs; improve the qualifications of domestic workers. However, the current RE development still faces many difficulties in terms of policy, financial and technical mechanisms. To solve these problems, it is necessary to implement drastic synchronous solutions from state management agencies and businesses.

• Key words: policy, development, renewable energy, finance.

Ngày nhận bài: 30/6/2023

Ngày gửi phản biện: 03/7/2023

Ngày nhận kết quả phản biện: 10/7/2023

Ngày chấp nhận đăng: 12/7/2023

1. Mở đầu

Năng lượng là cơ sở hạ tầng, là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Một nguồn cung cấp năng lượng đầy đủ và bền vững là một trong những chìa khoá quyết định tăng trưởng kinh tế. Điều này đồng nghĩa với chính sách năng lượng là một phần mở rộng của chính sách quốc gia. Ngược lại, chính sách quốc gia là tiêu chuẩn để đánh giá và thiết lập một chính sách năng lượng. Chính vì vậy, quy hoạch năng lượng cần phải được quan tâm đặc biệt. Việt Nam là một trong những nước đang phát triển ở Đông Nam Á có nhu cầu sử dụng điện đang tăng cao để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước. Tuy nhiên, hệ thống điện của nước ta hiện nay chủ yếu vẫn đang sử dụng nguồn nhiên liệu hóa thạch là than, dầu và khí cho phát điện. Kết quả của việc lựa chọn này đó là, bên cạnh việc phải đối mặt với sự thiếu hụt nguồn năng lượng hóa thạch này do trữ lượng đang dần cạn kiệt thì việc sử dụng năng lượng hóa thạch đang gây ô nhiễm, ảnh hưởng lớn đến môi trường. Trong khi đó, Việt Nam được biết đến là một nước có tiềm năng rất lớn về nguồn năng lượng tái tạo (NLTT) nhưng hiện tại mới chỉ khai thác và sử dụng một tỷ lệ rất nhỏ do phần lớn

* Trường Đại học Công nghệ Đông Á; email: duongnd@eaut.edu.vn

các dự án NLTT có tính sinh lợi thấp, công nghệ lắp đặt còn phức tạp nên chưa hấp dẫn được cả người sử dụng lẫn nhà đầu tư. Cho đến nay số các dự án có tầm cỡ và quy mô ở nước ta có rất ít, tỷ trọng công suất lắp đặt các nhà máy điện sản xuất từ NLTT trong tổng công suất đặt của cả hệ thống còn rất khiêm tốn.

2. Hiện trạng phát triển các nguồn năng lượng tái tạo

Năng lượng mặt trời: Năng lượng mặt trời thường được sử dụng dưới dạng nhà máy nhiệt điện mặt trời, pin điện mặt trời, nước nóng dùng năng lượng mặt trời, thiết bị sấy bằng năng lượng mặt trời, v.v. Do có sự tiến bộ về công nghệ chế tạo các tấm pin mặt trời dẫn đến việc nâng cao hiệu suất chuyển đổi nhiệt mặt trời thành điện và giảm giá thành các tấm pin trong thời gian qua; cũng như chính sách mua bán điện mặt trời của Chính phủ Việt Nam (Bảng 1) hàng loạt các nhà máy điện mặt trời ra đời trên khắp đất nước, tập trung chủ yếu ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ.

Như vậy, nếu trong năm 2018, công suất lắp đặt điện mặt trời ở Việt Nam mới chỉ đạt 105 MW thì năm 2019 con số này đã tăng lên 5GW và đến năm 2020, công suất lắp đặt đã tăng lên mức 16,5GW. Sự bùng nổ đầu tư trang trại điện mặt trời và điện mặt trời áp mái đã dẫn đến giải pháp kiểm soát phát triển điện mặt trời của EVN và chính quyền các địa phương. Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ các dự án điện mặt trời, các ứng dụng khác của năng lượng mặt trời (bình đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời) vẫn ở trong tình trạng chậm phát triển.

Năng lượng gió: Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới và các tổ chức năng lượng khác, Việt Nam có tiềm năng rất lớn về năng lượng gió (NLG) với ước tính khoảng 520 GW công suất lắp máy. Năng lượng gió có thể phát triển thành năng lượng điện ở hai khu vực chính là: điện gió trên đất liền và điện gió ngoài khơi. Với quy mô công suất lớn và ổn định, diện tích chiếm đất nhỏ và giá thành điện mang tính cạnh tranh; nhiều dự án điện gió trên đất liền và ngoài khơi Việt Nam đã đi vào sản xuất hoặc/và trong giai đoạn đầu tư.

Như vậy, tổng công suất điện gió tới năm 2025 có mặt trong Quy hoạch điện VII vào tháng 6/2020 đã là 11.800MW, cao hơn rất nhiều so với mục tiêu được đặt ra ban đầu khoảng 800 MW vào năm 2020 và khoảng 2.000 MW vào năm 2025 và

khoảng 6.000 MW vào năm 2030. Kết quả tính toán của tác giả Dư Văn Toán [7] cho thấy: vùng biển Việt Nam có tiềm năng năng lượng gió kỹ thuật rất lớn có thể đạt 637 GW và chiếm 13,4 % năng lượng gió lý thuyết. Vì vậy, hàng loạt các tập đoàn lớn trong và ngoài nước đang triển khai và chuẩn bị các dự án đầu tư các dự án điện gió trên bờ và ngoài khơi Việt Nam.

Năng lượng sinh khối: Với tiềm năng rất lớn về năng lượng sinh khối, bao gồm hàng chục triệu tấn phụ phẩm nông nghiệp (rơm, rạ, trấu, các loại cây ngũ cốc, v.v.); hàng chục triệu tấn rác thải sinh hoạt, hàng chục triệu tấn chất thải chăn nuôi. Các loại phụ phẩm và chất thải đang là tác nhân gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý; nhưng cũng là nguồn tài nguyên năng lượng tái tạo có thể thu hồi bằng phương pháp đốt. Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2011, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên toàn quốc là khoảng 44.400 tấn/ngày. Đến năm 2019, con số này là 64.658 tấn/ngày (khu vực đô thị là 35.624 tấn/ngày và khu vực nông thôn là 28.394 tấn/ngày).

Các dạng năng lượng khác: Bên cạnh các nguồn năng lượng đã trình bày ở trên, Việt Nam còn có tiềm năng về các nguồn năng lượng tái tạo khác nhưng chưa được đầu tư nghiên cứu và khai thác, cũng như chưa có chính sách ưu tiên hỗ trợ. Đó là các dạng năng lượng như: năng lượng thủy triều, năng lượng sóng biển, năng lượng địa nhiệt, v.v. Để triển khai thành các dự án cung cấp năng lượng, các dạng năng lượng này cần phải vượt qua rất nhiều rào cản về chính sách, kỹ thuật công nghệ và hậu cần khác.

3. Cơ chế chính sách cho phát triển NLTT

Phát triển năng lượng tái tạo là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước đã được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 55 của Bộ Chính trị đến các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển NLTT và các cơ chế khuyến khích phát triển các dự án NLTT.

Mục tiêu phát triển năng lượng tái tạo trong Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam giai đoạn đến 2030 có xét đến năm 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2068/QĐTTg ngày 25/11/2015, tỷ lệ điện sản xuất từ NLTT (bao gồm cả thủy điện lớn và nhỏ) trong tổng điện năng sản xuất của quốc gia phải đạt 32% vào năm 2030 và 43% vào năm

2050. Trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh thì dự kiến các nguồn điện NLTT (bao gồm thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, và điện sinh khối) sẽ chiếm 21% tổng công suất nguồn điện của quốc gia vào năm 2030. Và trong Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị có quy định tỷ lệ nguồn NLTT trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt 15-20% năm 2030 và 25-30% năm 2045, tương ứng tỷ lệ điện năng của NLTT trong tổng điện năng sản xuất toàn quốc là khoảng 30% năm 2030 và 40% năm 2045.

Để đạt được các mục tiêu NLTT nêu trên, Bộ Công Thương đã tham mưu trình Chính phủ ban hành nhiều cơ chế khuyến khích khác nhau cho các loại hình điện NLTT được đánh giá có tiềm năng lớn như sau:

Bảng 1: Tổng hợp cơ chế khuyến khích phát triển điện tái tạo

Loại NLTT	Loại hình công nghệ	Cơ chế khuyến khích và hiệu lực	Giá bán (chưa VAT)
Thủy điện nhỏ (dưới 30MW)	Sản xuất điện	Biểu giá chỉ phí tránh được	Biểu giá CPTĐ được Bộ CT công bố hàng năm
Điện gió (cho các dự án vào vận hành trước tháng 11/2021)	Dự án trên đất liền	FIT cho 20 năm	8,5 UScents/kWh
	Dự án ngoài khơi	FIT cho 20 năm	9,8 UScents/kWh
Sinh khối	Đồng phát nhiệt-điện	FIT cho 20 năm	7,03 UScents/kWh
	Không phát Đồng phát nhiệt-điện	FIT cho 20 năm	8,47 UScents/kWh
Điện từ chất thải	Thiếu đốt	FIT cho 20 năm	10,05 UScents/kWh
	Chôn lấp	FIT cho 20 năm	7,28 UScents/kWh
Điện mặt trời	ĐMT nổi	FIT cho 20 năm	7,69 UScents/kWh
	ĐMT mặt đất	FIT cho 20 năm	7,09 UScents/kWh
	ĐMT mái nhà	FIT cho 20 năm	8,38 UScents/kWh

Nguồn: Báo cáo của Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển điện lực

Ngoài các cơ chế khuyến khích về giá mua điện như nêu trên, các dự án NLTT ở Việt Nam còn có thể được hưởng các cơ chế hỗ trợ khác như ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu thiết bị, ưu đãi về sử dụng đất và tiếp cận tài chính....

Trong những năm qua, với sự vào cuộc tích cực của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, môi trường kinh doanh của Việt Nam liên tục được cải thiện, tạo tâm lý phấn khởi cho các nhà đầu tư trong, ngoài nước mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thêm vào đó, đời sống kinh tế vật chất của người dân tăng lên khiến cho nhu cầu sử dụng điện tăng cao. Tuy nhiên, đây cũng là một thách thức rất lớn cho ngành điện Việt Nam trong

bối cảnh: (1) Nguồn cung năng lượng sơ cấp trong nước đã tới hạn, dẫn đến phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu. (2) Phân bố nguồn điện và phụ tải không đồng đều gây áp lực truyền tải lớn trên hệ thống đường dây 500 kV Bắc - Nam. (3) Tác động về biến đổi khí hậu dẫn đến khô hạn, hồ thủy điện thiếu nước để sản xuất. (4) Một số dự án điện theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh bị chậm tiến độ so với yêu cầu đặt ra...

Bảng 2: Cơ chế khuyến khích khác cho dự án điện tái tạo nổi lưới

STT	Cơ chế khuyến khích tài chính	Mức độ
1	Thuế TNDN	Thuế suất TNDN: - 4 năm đầu kể từ năm có thu nhập chịu thuế: 0% - 9 năm tiếp theo: 5% - 2 năm tiếp theo: 10% - Các năm còn lại: 20%
2	Thuế nhập khẩu	Hàng hóa nhập khẩu làm tài sản cố định, vật liệu và bán thành phẩm không được sản xuất trong nước. Nhà đầu tư nên kiểm tra Danh mục các hàng hóa và sản phẩm được miễn thuế nhập khẩu hàng năm được Bộ KHĐT công bố
3	Sử dụng đất	Tiền thuê đất ưu đãi theo quy định của Tỉnh
4	Phí bảo vệ môi trường	0%
5	Đầu tư	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) cho vay lên tới 70% tổng chi phí đầu tư với lãi suất tương đương với mức lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm cộng với 1%/năm

Nguồn: Báo cáo của Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển điện lực

Những thách thức trên diễn ra trong bối cảnh hệ thống điện đang chịu nhiều áp lực về bảo đảm cung ứng điện, đặc biệt khi tiến độ vận hành của các nguồn nhiệt điện gặp nhiều rủi ro thì việc phát triển các dự án năng lượng tái tạo được xem là một trong những giải pháp quan trọng. Bộ Chính trị cũng đã đưa ra Nghị quyết 55 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, đề ra mục tiêu cho các nguồn năng lượng tái tạo chiếm tỷ lệ trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15 - 20% vào năm 2030; 25 - 30% vào năm 2045.

Tính đến năm 2018, tổng công suất các nhà máy điện mặt trời đưa vào vận hành chỉ khoảng 86 MW chiếm 0,18% cơ cấu công suất nguồn điện toàn quốc. Tuy nhiên, ở thời điểm đó khi Quyết định số 11 có hiệu lực, đã có rất nhiều dự án điện mặt trời trang trại (ĐMTTT) đã được bổ sung quy hoạch.

Cụ thể, tính đến tháng 4/2018, tổng công suất các nhà máy ĐMTTT đã được bổ sung vào Quy

hoạch là khoảng 7.667 MWp, tương đương khoảng 6.286 MW(ac). Tuy nhiên, Quy hoạch đầu nối lên lưới của các dự án nhà máy điện mặt trời này được thực hiện một cách độc lập mà chưa có sự đánh giá toàn diện khả năng đáp ứng của lưới điện có liên quan trong khu vực. Nhận thấy việc này có thể gây ra những rủi ro cho lưới điện truyền tải hiện hữu, vào tháng 5/2018, PECC2 đã chủ động đề xuất với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) để tính toán và lập Báo cáo “Nghiên cứu giải tỏa công suất các dự án nhà máy điện mặt trời, điện gió trên toàn quốc đến năm 2020” và đã được EVN thống nhất. Báo cáo giải tỏa công suất của PECC2 đã thực hiện các nội dung chính sau:

(1) Rà soát danh mục nguồn điện mặt trời, điện gió dự kiến đưa vào vận hành giai đoạn đến năm 2020 đã được Bộ Công Thương và Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch.(2) Rà soát lưới đồng bộ các dự án và danh mục lưới điện dự kiến đầu tư của EVN đến năm 2020.(3) Đánh giá khả năng đáp ứng của lưới điện.(4) Tính toán lượng công suất điện mặt trời, điện gió không thể tiêu thụ được do lưới điện chưa đáp ứng.(5) Kiến nghị các giải pháp lưới điện liên quan đưa vào vận hành nhằm đáp ứng nhu cầu truyền tải công suất của nhà máy điện mặt trời, điện gió.

Phát triển nguồn NLTT sẽ giảm nhẹ tác động biến đổi khí hậu (giảm phát thải khí nhà kính) và các chất ô nhiễm do đốt nhiên liệu hóa thạch; đồng thời bổ sung nguồn công suất cho hệ thống điện, góp phần gia tăng lợi ích kinh tế cho địa phương, doanh nghiệp và tạo việc làm cho người lao động. Phù hợp với cam kết của Việt Nam trong thỏa thuận Paris 2015, Chính phủ Việt Nam đã ban hành các quyết định về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam (QĐ số 11/2017/QĐ-TTg và QĐ số 13/2020/QĐ-TTg), cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam (QĐ số 37/2011/QĐ-TTg và QĐ số 39/2018/QĐ-TTg), cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam (QĐ số 08/2020/QĐ-TTg) và cơ chế hỗ trợ biểu giá chi phí tránh được cho các nhà máy thủy điện nhỏ.

Trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, số 39/2018/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam. Theo đó, giá điện gió trong đất liền được điều chỉnh tăng lên 1.927 đồng/kWh; điện gió trên

biển là 2.223 đồng/kWh... Giá điện này được áp dụng cho một phần hoặc toàn bộ nhà máy có ngày vận hành thương mại trước ngày 1/11/2021 và áp dụng trong 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, số 13/2020/QĐ-TTg, ngày 6/6/2020 Về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam nêu rõ: EVN có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện mặt trời nối lưới trong vòng 20 năm tính từ khi vận hành thương mại. Các hệ thống điện mặt trời mái nhà được phép bán một phần hoặc toàn bộ điện năng sản xuất ra cho Bên mua là Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc đơn vị thành viên được ủy quyền thực hiện thanh toán lượng điện năng từ hệ thống điện mặt trời mái nhà phát lên lưới điện quốc gia theo giá mua điện quy định

Quyết định 08/2020/QĐ-TTg ngày 5/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam. Theo đó, đối với các dự án đồng phát nhiệt - điện, biểu giá mua điện tại điểm giao nhận là 1.634 đồng/kWh tương đương 7,03 UScents/kWh. Đối với các dự án không phải là dự án đồng phát nhiệt - điện, biểu giá mua điện tại điểm giao nhận là 1.968 đồng/kWh tương đương 8,47 UScents/kWh, theo tỉ giá tính theo tỉ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 21/2/2020.

4. Thảo luận và kết luận

4.1. Thảo luận

Trong giai đoạn hơn 2 thập kỷ vừa qua, một hệ thống các cơ chế, chính sách cho phát triển năng lượng tái tạo đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện. Tuy vậy, tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam vẫn còn rất lớn, đa dạng và phong phú. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện những cơ chế, chính sách để khuyến khích phát triển mạnh mẽ năng lượng tái tạo, bao gồm:

Một là, cần triển khai thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bao gồm xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ

các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch; hình thành và phát triển một số trung tâm năng lượng tái tạo tại các vùng và các địa phương có lợi thế; đầu tư hiện đại hoá ngành điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện, có khả năng tích hợp quy mô lớn nguồn năng lượng tái tạo; đẩy nhanh lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh, cơ chế hợp đồng mua bán điện trực tiếp giữa nhà sản xuất và khách hàng tiêu thụ, cơ chế đấu thầu, đấu giá cung cấp năng lượng phù hợp, đặc biệt trong các dự án đầu tư năng lượng tái tạo; có chính sách khuyến khích tiêu thụ sử dụng năng lượng sạch, tái tạo; phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông giữa các phân ngành điện, than, dầu khí và năng lượng tái tạo, kết nối với thị trường khu vực và thế giới; hoàn thiện chính sách thuế khuyến khích sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, tái tạo; hoàn thiện cơ chế và thực hiện chính sách về tiêu chuẩn tỉ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu đầu tư và cung cấp năng lượng; nghiên cứu, xây dựng và ban hành luật về năng lượng tái tạo; tiếp tục triển khai các chương trình khoa học và công nghệ về nghiên cứu ứng dụng và phát triển năng lượng tái tạo.

Hai là, tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm tăng cường quản lý nhà nước trong phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo; điều tra tài nguyên nguồn năng lượng tái tạo; lập quy hoạch và kế hoạch phát triển nguồn năng lượng tái tạo; xây dựng đề áp dụng hoặc công bố áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia cho lưới điện đồng bộ với các nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo và các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các công trình, thiết bị khác liên quan đến năng lượng tái tạo; nâng cao tỷ lệ phát triển và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo; hỗ trợ tài chính cho phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo; phát triển nguồn nhân lực cho năng lượng tái tạo; hỗ trợ hình thành thị trường và công nghệ năng lượng tái tạo; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng về phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo; và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Ba là, lập và thực hiện các quy hoạch có liên quan, bao gồm Quy hoạch phát triển điện lực quốc

gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ tại Quyết định số 1264/QĐ-TTg ngày 01/10/2019; Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ tại Quyết định số 1743/QĐ-TTg ngày 03/12/2019. Ngoài ra, cần nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đất đai, thuế, ưu đãi tín dụng có liên quan trong phát triển năng lượng tái tạo.

4.2. Kết luận

Chính sách ngành năng lượng của Việt Nam đã có những chuyển biến đáng kể nhằm thu hút khu vực tư nhân tham gia nhiều hơn, áp dụng các nguyên tắc dựa trên thị trường và gần đây là ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo ngoài thủy điện và các biện pháp hiệu quả năng lượng. Chính phủ cần nhanh chóng cải thiện môi trường pháp lý để đảm bảo các cơ chế khuyến khích cũng như các quy định pháp lý có thể thúc đẩy các mô hình kinh doanh phù hợp với kế hoạch phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả, bao gồm hoạt động đấu giá dịch vụ phụ trợ cân bằng hệ thống và tăng tính linh hoạt nguồn cung và cầu.

Năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió và điện rác thải) trong thời gian qua đã có sự phát triển vượt bậc ở nước ta sau các quyết định của Chính phủ về tăng giá mua điện. Tuy nhiên, hiện vẫn tồn tại nhiều rào cản trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam (rào cản thể chế chính sách, rào cản khoa học công nghệ, rào cản hạ tầng). Trong đó, rào cản thể chế, chính sách đang là rào cản lớn nhất đối với sự phát triển bền vững năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

Viện Năng Lượng, "Báo cáo dự thảo lần 3 đề án Quy hoạch phát triển Điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2025", tháng 2/2021.

PECC2, "Báo cáo nghiên cứu đầu nối giải tỏa công suất các dự án nhà máy điện mặt trời, điện gió toàn quốc đến năm 2020", tháng 7/2018.

PECC2, "Báo cáo phương án truyền tải công suất các nguồn điện khu vực Nam Trung Bộ 2 (tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận)", tháng 8/2019.

PECC2, "Báo cáo nghiên cứu ảnh hưởng của nguồn điện mặt trời áp mái lên Hệ thống điện", tháng 1/2021.

PECC2, "Báo cáo nghiên cứu phương án giải tỏa công suất các dự án năng lượng tái tạo toàn quốc đến năm 2025", tháng 9/2020.

Chính sách phát triển năng lượng tái tạo; TS. Nguyễn Văn Hội; Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương.